TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2018
V/v:"*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Thi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hoa
2. Bà Trần Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thật – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên toà: Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 627/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ - Sinh năm: 1979
Nơi cư trú: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Vi H - Sinh năm 1981
Nơi cư trú: Thôn TM, xã NQ, thị xã NH, tỉnh KH. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Vi H kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (Nay là xã NQ, thị xã Ninh Hòa). Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, do bà Hương có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Hiện nay, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà Hương nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông với bà H có 02 con chung là Nguyễn Đạo Ngh, sinh ngày 11/6/2000 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 15/3/2007. Ly hôn ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Vi H vắng mặt nên không lấy được lời khai.*

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc đưa vụ án ra giải quyết là quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Vi H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Vi H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NQ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/1999 ngày 30/11/1999. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà H, theo lời trình bày của ông Đ, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Mặc dù, đây chỉ là lời khai của ông Đ nhưng bà H không có mặt để trình bày ý kiến là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Đồng thời, qua xác minh địa phương cũng xác nhận bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và hiện nay vợ chồng bà H, ông Đ không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mẫu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà Hương là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông Đ là có căn cứ.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay ông Đ đang trực tiếp nuôi hai con, ông Đ có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Hơn nữa, cháu Ngh và cháu V có nguyện vọng ở với ba. Do vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Nguyễn Đạo Ngh, sinh ngày 11/6/2000 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 15/3/2007 cho ông Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con bà H có quyền thay đổi người trực nuôi con.

Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ. Ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Vi H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Đạo Ngh, sinh ngày 11/6/2000 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 15/3/2007 cho ông Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Vi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con bà H có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003325 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông Nguyễn Minh Đ đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
-VKSND thị xã Ninh Hòa;
- CC THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã NQ;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Xuân Thi